



Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận	3703000188	ngày 2 tháng 3 năm 2006
Đăng ký Kinh doanh số	4200636590	ngày 2 tháng 11 năm 2009

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 30 tháng 11 năm 2012. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

Hội đồng Quản trị	Bà Nguyễn Thị Hoa	Chủ tịch (từ ngày 2 tháng 8 năm 2012)
	Ông Thái Văn Chuyện	Chủ tịch (đến ngày 2 tháng 8 năm 2012)
	Ông Thái Văn Chuyện	Phó chủ tịch (từ ngày 2 tháng 8 đến ngày 17 tháng 10 năm 2012)
	Bà Phạm Thị Hồng Hoa	Thành viên
	Bà Trần Yến Duyên	Thành viên (đến ngày 16 tháng 4 năm 2012)
	Ông Dương Tấn Hải	Thành viên (đến ngày 16 tháng 4 năm 2012)
	Ông Trần Tấn Phát	Thành viên (đến ngày 16 tháng 4 năm 2012)
	Bà Nguyễn Thị Hoa	Thành viên (từ ngày 16 tháng 4 đến ngày 2 tháng 8 năm 2012)
	Ông Trịnh Minh Châu	Thành viên (từ ngày 16 tháng 4 đến ngày 4 tháng 9 năm 2012)
	Ông Nguyễn Thanh Ngừ	Thành viên (từ ngày 16 tháng 4 năm 2012)
	Ông Trầm Kim Dũng	Thành viên (từ ngày 11 tháng 10 năm 2012)

Ban Tổng Giám đốc	Ông Trầm Kim Dũng	Tổng Giám đốc (từ ngày 2 tháng 8 năm 2012)
	Bà Nguyễn Thị Hoa	Tổng Giám đốc (đến ngày 2 tháng 8 năm 2012)
	Ông Trầm Kim Dũng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 2 tháng 8 năm 2012)
	Ông Vũ Thành Châu	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 16 tháng 4 năm 2012)
	Ông Lê Anh Khang	Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Ban Kiểm soát	Ông Phạm Cao Sơn	Trưởng ban Kiểm soát (từ ngày 16 tháng 4 năm 2012)
	Ông Doãn Bá Nguyên	Trưởng ban Kiểm soát (đến ngày 16 tháng 4 năm 2012)
	Ông Lưu Mạnh Thức	Thành viên (từ ngày 16 tháng 4 năm 2012)
	Ông Lưu Đức Hiền	Thành viên (đến ngày 16 tháng 4 năm 2012)
	Bà Nguyễn Hồng Nữ	Thành viên
Trụ sở đăng ký	Thôn Phước Lâm	
	Xã Ninh Xuân	
	Thị xã Ninh Hòa	
	Tỉnh Khánh Hòa	
	Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG	
	Việt Nam	

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 50 đã được lập và trình bày để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.



Trần Kim Dũng
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 20 tháng 3 năm 2013



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa ("Công ty") và công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo ("báo cáo tài chính hợp nhất") được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 3 năm 2013, được trình bày từ trang 5 đến 50. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Báo cáo tài chính của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán phát hành ngày 20 tháng 2 năm 2012.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đăng tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán: 12-01-280



Chứng chỉ kiểm toán viên số N0863/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Lâm Thị Ngọc Hào

Chứng chỉ kiểm toán viên số N0866/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2013

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		292.929.235.043	193.028.638.505
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	39.921.238.387	2.636.591.673
Tiền	111		8.331.238.387	2.636.591.673
Các khoản tương đương tiền	112		31.590.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	7	187.226.260.114	149.045.398.944
Phải thu khách hàng	131		4.872.345.052	7.375.542.660
Trả trước cho người bán	132		179.455.993.576	135.656.467.708
Các khoản phải thu khác	135		3.224.119.815	6.180.156.997
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(326.198.329)	(166.768.421)
Hàng tồn kho	140	8	63.489.895.549	36.382.841.453
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.291.840.993	4.963.806.435
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		154.715.025	262.630.409
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.160.479.510	4.206.907.161
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	154		11.960.109	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		964.686.349	494.268.865
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260)	200		620.489.913.192	434.623.091.856
Tài sản cố định	220		325.261.849.434	281.710.234.660
Tài sản cố định hữu hình	221	9	255.019.598.776	202.029.425.859
Nguyên giá	222		345.409.138.780	260.110.488.370
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(90.389.540.004)	(58.081.062.511)
Tài sản cố định vô hình	227	10	15.740.520.780	15.590.167.289
Nguyên giá	228		17.276.654.505	15.838.698.089
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.536.133.725)	(248.530.800)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	11	54.501.729.878	64.090.641.512
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	287.327.345.025	151.559.152.322
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		183.009.350.227	74.725.141.519
Đầu tư dài hạn khác	258		104.317.994.798	89.508.536.651
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(12.674.525.848)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tài sản dài hạn khác	260		7.900.718.733	1.353.704.874
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	1.202.111.386	1.285.204.874
Tài sản dài hạn khác	268		68.500.000	68.500.000
Lợi thế thương mại	269	14	6.630.107.347	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		913.419.148.235	627.651.730.361
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		364.510.850.728	325.167.739.292
Nợ ngắn hạn	310		269.227.485.465	206.403.421.591
Vay ngắn hạn	311	15	176.756.587.087	126.654.436.530
Phải trả người bán	312		28.430.048.603	27.121.740.046
Người mua trả tiền trước	313	16	27.429.479.800	4.768.184.900
Thuế phải nộp Nhà nước	314	17	3.483.996.906	19.568.881.676
Phải trả người lao động	315		5.677.452.197	8.154.761.608
Chi phí phải trả	316	18	2.661.085.288	907.637.642
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	19	12.917.119.304	10.216.505.783
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	20	11.871.716.280	9.011.273.406
Vay và nợ dài hạn	330		95.283.365.263	118.764.317.701
Vay dài hạn	334	21	92.053.686.436	118.402.943.561
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	22	3.229.678.827	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	23	-	361.374.140
VỐN CHỦ SỞ HỮU				
(400 = 410)	400		548.908.297.507	302.483.991.069
Vốn chủ sở hữu	410	24	544.608.688.124	302.483.991.069
Vốn cổ phần	411	25	303.750.000.000	81.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	25	12.334.430.000	12.514.630.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(39.255.176)
Quỹ đầu tư phát triển	417		101.382.082.596	94.141.270.299
Quỹ dự phòng tài chính	418		11.680.122.435	8.100.000.000
Quỹ khác	419		(1.616.929.007)	(1.616.929.007)
Lợi nhuận chưa phân phối	420		117.078.982.100	108.384.274.953
LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIÊU SỞ	439	26	4.299.609.383	-
TỔNG NGUỒN VỐN				
(440 = 300 + 400 + 439)	440		913.419.148.235	627.651.730.361

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	-	41.904.762
Ngoại tệ (USD)	9.531.294	1.884.611.791

Người lập biểu



Ngô Thị Thu Trang

Kế toán trưởng



Võ Thị Thủy Tiên



Tổng Giám đốc

Trần Kim Dũng

Ngày 20 tháng 3 năm 2013

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
Tổng doanh thu	01	27	935.538.710.298	784.618.411.357
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	924.089.905	2.137.714.285
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		934.614.620.393	782.480.697.072
Giá vốn hàng bán	11	28	800.882.691.384	639.620.458.976
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		133.731.929.009	142.860.238.096
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	48.764.797.705	11.469.705.000
Chi phí tài chính	22	30	54.547.069.002	47.497.794.208
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>57.607.747.373</i>	<i>44.931.703.853</i>
Chi phí bán hàng	24		9.957.555.569	6.519.502.273
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		27.911.886.474	12.821.243.994
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		90.080.215.669	87.491.402.621
Thu nhập khác	31	31	7.578.858.471	17.035.525.309
Chi phí khác	32	32	3.970.411.881	9.453.663.925
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		3.608.446.590	7.581.861.384
Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết	41	12	6.869.743.530	14.120.590.244
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 41)	50		100.558.405.789	109.193.854.249
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	16.115.590.436	17.799.145.937
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	33	3.229.678.827	-
Lợi nhuận sau thuế (60 = 50 - 51 - 52)	60		81.213.136.526	91.394.708.312

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
Phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số	61		(391.373.375)	-
Chủ sở hữu của Công ty	62		81.604.509.901	91.394.708.312
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	7.108	11.283

Người lập biểu



Ngô Thị Thu Trang

Kế toán trưởng



Võ Thị Thủy Tiên



Tổng Giám đốc

Trần Kim Dũng

Ngày 20 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		100.558.405.789	109.193.854.249
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		32.837.336.301	24.085.209.686
Các khoản dự phòng	03		(12.818.735.255)	876.091.192
Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết	05		(6.869.743.530)	(14.120.590.244)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(39.823.856.175)	(14.136.940.373)
Chi phí lãi vay	06		57.607.747.373	44.931.703.853
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		131.491.154.503	150.829.328.363
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(41.283.971.839)	(31.996.021.249)
Biến động hàng tồn kho	10		(26.987.333.594)	627.301.285
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		22.076.835.276	(20.954.608.198)
Biến động chi phí trả trước	12		3.275.589.856	414.955.081
			88.572.274.202	98.920.955.282
Tiền lãi vay đã trả	13		(56.097.548.311)	(44.225.008.340)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(32.458.417.679)	(5.798.562.286)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(8.714.523.569)	(8.842.742.793)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		(8.698.215.357)	40.054.641.863

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(67.192.735.048)	(84.165.356.800)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		238.000.000	4.298.180.400
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(246.409.217.573)	(70.570.461.860)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		148.662.804.400	28.107.068.000
Mua công ty con, đã trừ đi số dư tiền của công ty con được mua	25	5	(12.968.782.038)	-
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27		25.863.976.898	14.604.569.755
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(151.805.953.361)	(107.726.000.505)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		222.569.800.000	-
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		801.842.331.757	606.492.595.591
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(778.089.438.325)	(499.917.036.700)
Tiền chi trả cổ tức	36		(48.533.878.000)	(36.450.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		197.788.815.432	70.125.558.891
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		37.284.646.714	2.454.200.249
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		2.636.591.673	182.391.424
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	6	39.921.238.387	2.636.591.673

Người lập biểu



Ngô Thị Thu Trang

Kế toán trưởng



Võ Thị Thủy Tiên



Trần Kim Dũng

Ngày 20 tháng 3 năm 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (“Nhà máy Đường Ninh Hòa – Công ty Đường Khánh Hòa”) theo Quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2005 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa cấp. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh đường từ mía và các sản phẩm phụ; sản xuất và kinh doanh mua bán điện; thi công xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; mua bán các vật tư nông nghiệp và kinh doanh bất động sản; sản xuất và kinh doanh phân bón; và kinh doanh dịch vụ kho bãi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có một công ty con là Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung (“Bò giống Miền Trung”). Công ty nắm giữ 59,04% cổ phần trong công ty con này. Bò giống Miền Trung được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3703000180 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 21 tháng 12 năm 2005. Hoạt động chính của Bò giống Miền Trung là chăn nuôi bò; trồng mía đường và các loại cây công nghiệp khác; kinh doanh thức ăn cho gia súc, bò nuôi và các sản phẩm chăn nuôi khác; gia công gỗ và các hoạt động lâm nghiệp; trồng rừng; kinh doanh bất động sản, khách sạn và các hoạt động du lịch.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 125/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn có 365 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 304 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(iv) Hợp nhất kinh doanh

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Các số liệu so sánh

Công ty không có công ty con trong những năm tài chính trước, trước khi Công ty mua lại Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung vào ngày 1 tháng 3 năm 2012. Do đó các số liệu so sánh cho Công ty không hoàn toàn phù hợp với số liệu của năm báo cáo hiện hành.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(e) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Các khoản lãi đầu tư nhận được từ các khoản lợi nhuận phát sinh trước ngày Tập đoàn mua khoản đầu tư đó được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị các khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(g) Trả trước cho người bán

Bao gồm trong khoản trả trước cho người bán có khoản trả trước cho nông dân để trồng mía được phân ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản trả trước quá hạn. Dự phòng cho các khoản trả trước quá hạn được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

(h) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(i) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ gia súc	12 năm

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(j) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất vô thời hạn và quyền sử dụng đất thuê. Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không phân bổ. Quyền sử dụng đất thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê đất từ 6 đến 28 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(k) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(l) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu phản ánh công cụ và dụng cụ không đủ tiêu chuẩn để ghi nhận vào tài sản cố định hữu hình theo quy định của Việt Nam do mỗi tài sản có nguyên giá thấp hơn 10 triệu VND. Công cụ và dụng cụ được phân loại là chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(m) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm. Khi ghi nhận các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(n) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(o) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Dự phòng chi phí bảo trì

Dự phòng chi phí bảo trì liên quan đến các công việc bảo trì trong giai đoạn không sản xuất theo mùa vụ. Các khoản dự phòng được ước tính dựa trên kinh nghiệm, các sự kiện và đánh giá hợp lý của Ban Tổng Giám đốc. Các thông tin và sự kiện được dùng để ước tính các khoản dự phòng có thể thay đổi trong các năm tiếp theo và do đó kết quả xảy ra có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với các đánh giá đã được trình bày trong báo cáo tài chính.

(ii) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên ("nhân viên đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tập đoàn.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

(p) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích cung cấp các thông tin thuyết minh về mức trọng yếu của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn và tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu nhằm bán lại hoặc mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có năm đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa là các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các tài sản tài chính mà Tập đoàn có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phải sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu nhằm bán lại hoặc mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(q) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối hàng năm dựa trên quyết định của các cổ đông. Quỹ này được sử dụng duy nhất cho việc chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(r) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(s) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

(t) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên quyết định của các cổ đông tại đại hội cổ đông hàng năm.

(u) Doanh thu

(i) Bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Điện

Doanh thu được ghi nhận dựa trên khối lượng điện đã cung cấp và giá bán đã thỏa thuận với người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận tương ứng theo tỷ lệ thời gian trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(iv) Cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập.

(v) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

(w) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tập đoàn không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

(x) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

(y) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm các cổ đông, các công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và các công ty liên kết của các công ty này.

4. Báo cáo bộ phận

Tập đoàn chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất, là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

5. Hợp nhất kinh doanh

Vào ngày 1 tháng 3 năm 2012 Công ty mua lại một công ty con là Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung (“Bò giống Miền Trung”). Chi tiết về công ty con đã được mua trong năm như sau:

	Tỷ lệ sở hữu	Giá mua VND
Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung	58,99%	14.720.250.000

Việc mua lại này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.751.467.962
Các khoản phải thu ngắn hạn	2.132.252.279
Hàng tồn kho	119.720.502
Tài sản ngắn hạn khác	40.717.886
Tài sản cố định hữu hình	7.332.887.537
Tài sản cố định vô hình	675.167.896
Tài sản dài hạn khác	33.650.000
Nợ ngắn hạn	(618.760.120)
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	11.467.103.942
Tài sản thuần đã mua	6.764.121.184
Khoản thanh toán cho việc mua lại	(14.720.250.000)
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại	7.956.128.816
Các ảnh hưởng đến luồng tiền bao gồm:	
Khoản tiền thu được	1.751.467.962
Khoản thanh toán cho việc mua lại	(14.720.250.000)
Khoản tiền thanh toán thuần	(12.968.782.038)

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền mặt	195.722.271	57.466.797
Tiền gửi ngân hàng	8.135.516.116	2.579.124.876
Các khoản tương đương tiền	31.590.000.000	-
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	39.921.238.387	2.636.591.673

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn không có tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (ngày 31 tháng 12 năm 2011: tiền gửi ngân hàng với giá trị 2.076 triệu VND).

7. Các khoản phải thu ngắn hạn

Khoản trả trước cho người bán bao gồm khoản trả trước cho nông dân trồng mía với giá trị là 177.889 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 133.353 triệu VND). Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía không được đảm bảo, ngoại trừ các khoản trả trước với giá trị lớn hơn 300 triệu VND cho từng người bán được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của nông dân, và hưởng lãi suất là 16% - 21% trong năm. Trong trường hợp nông dân thực hiện theo hợp đồng bán mía cho Công ty, Công ty sẽ hỗ trợ một phần lãi suất cho nông dân là 50% số tiền lãi phải thu. Các khoản trả trước này được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa nông dân và Công ty. Trong năm 2012, Công ty đã căn trừ tổng cộng 361.985 triệu VND trả trước cho nông dân trồng mía với mía nguyên liệu mua từ nông dân.

Bao gồm trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu từ các công ty liên quan khác		
Phi thương mại	284.817.014	7.341.522.560

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN**

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Đặt cọc mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Mía Đường 333 (a)	-	6.179.770.000
Đặt cọc theo thỏa thuận chuyển nhượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Mía Đường Phan Rang (b)	1.550.000.000	-
Phải thu khác	1.674.119.815	386.997
	3.224.119.815	6.180.156.997

- a. Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị vào ngày 16 tháng 1 năm 2012, Tập đoàn đã quyết định mua 1.081.460 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía Đường 333 (“Đường 333”), một công ty liên kết, với giá mua bằng tiền là 10,8 tỷ VND. Khoản này thể hiện khoản đặt cọc 100% tiền mua cổ phiếu trả trước cho Đường 333. Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận cổ đông trong năm 2012.
- b. Theo thỏa thuận chuyển nhượng cổ phiếu ngày 15 tháng 5 năm 2012, Tập đoàn đồng ý mua 100.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía Đường Phan Rang (“Đường Phan Rang”), một công ty liên kết, từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (“Sacombank”), với giá mua bằng tiền là 1,5 tỷ VND. Khoản này thể hiện khoản đặt cọc 100% tiền mua cổ phiếu trả trước cho Sacombank. Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận cổ đông trong năm 2013.

8. Hàng tồn kho

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Hàng mua đang đi trên đường	517.300.000	-
Nguyên vật liệu	6.947.116.140	7.126.083.582
Công cụ và dụng cụ	5.123.119.917	4.711.999.908
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.946.556.031	5.536.812.783
Thành phẩm	45.382.513.246	18.594.581.525
Hàng hóa	573.290.215	413.363.655
	63.489.895.549	36.382.841.453

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 52.134 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 18.594 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Súc vật làm việc VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	62.559.947.976	190.373.221.383	6.733.184.285	444.134.726	-	260.110.488.370
Tăng do mua lại công ty con	7.897.574.690	40.901.400	381.379.700	27.154.400	584.844.286	8.931.854.476
Tăng trong năm	14.618.182	2.140.181.818	5.174.740.657	799.032.513	-	8.128.573.170
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.773.976.753	65.842.716.825	-	-	-	68.616.693.578
Thanh lý	-	(280.913.910)	-	-	(97.556.904)	(378.470.814)
Số dư cuối năm	73.246.117.601	258.116.107.516	12.289.304.642	1.270.321.639	487.287.382	345.409.138.780

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	10.211.526.361	46.344.817.297	1.168.140.526	356.578.327	-	58.081.062.511
Tăng do mua lại công ty con	1.157.995.765	36.049.852	152.551.880	27.154.400	225.215.042	1.598.966.939
Khấu hao trong năm	4.313.593.398	25.631.786.116	843.783.895	116.464.184	44.492.900	30.950.120.493
Thanh lý	-	(196.639.733)	-	-	(43.970.206)	(240.609.939)
Số dư cuối năm	15.683.115.524	71.816.013.532	2.164.476.301	500.196.911	225.737.736	90.389.540.004

Giá trị còn lại

Số dư đầu năm	52.348.421.615	144.028.404.086	5.565.043.759	87.556.399	-	202.029.425.859
Số dư cuối năm	57.563.002.077	186.300.093.984	10.124.828.341	770.124.728	261.549.646	255.019.598.776

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Giá trị của tài sản cố định hữu hình của Công ty mua trước ngày 10 tháng 2 năm 2006 được ghi nhận dựa theo giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày cổ phần hóa, theo định giá của Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán và được phê duyệt bởi Ủy ban Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa.

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có các tài sản có nguyên giá 1.821 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 949 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 159.520 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 143.544 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	15.335.998.089	502.700.000	15.838.698.089
Tăng do mua lại công ty con	1.401.576.482	-	1.401.576.482
Tăng trong năm	-	36.379.934	36.379.934
Số dư cuối năm	16.737.574.571	539.079.934	17.276.654.505
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	198.260.801	50.269.999	248.530.800
Tăng do mua lại công ty con	726.408.586	-	726.408.586
Khấu hao trong năm	457.622.683	103.571.656	561.194.339
Số dư cuối năm	1.382.292.070	153.841.655	1.536.133.725
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	15.137.737.288	452.430.001	15.590.167.289
Số dư cuối năm	15.355.282.501	385.238.279	15.740.520.780

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 577 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (ngày 31 tháng 12 năm 2011: không), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 4.657 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 4.657 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	64.090.641.512	3.295.310.262
Tăng trong năm	59.027.781.944	102.853.730.089
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(68.616.693.578)	(42.058.398.839)
Số dư cuối năm	54.501.729.878	64.090.641.512

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang tương đương 467 triệu VND (2011: 638 triệu VND).

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

12. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2012			01/01/2012		
	Số lượng	% vốn chủ sở hữu	% quyền biểu quyết	Số lượng	% vốn chủ sở hữu	% quyền biểu quyết
					VND	VND
Đầu tư vốn dài hạn vào công ty liên kết:						
▪ Công ty Cổ phần Mía Đường Phan Rang (a)	1.313.210	41,9%	41,9%	1.313.210	41,9%	41,9%
▪ Công ty Cổ phần Mía Đường 333 (b)	3.508.981	42,1%	42,1%	1.670.944	42,1%	42,1%
▪ Công ty Cổ phần Mía Đường – Nhiệt Điện Gia Lai (c)	4.000.000	22,98%	22,98%	88.918.628.178	-	-
					183.009.350.227	74.725.141.519
Đầu tư dài hạn khác vào cổ phiếu:						
▪ Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (d)	7.000.000	13,39%	13,39%	84.000.000.000	-	-
▪ Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn Thương Tín	-	-	-	-	500.000	1%
▪ Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	1.500.000	10%	10%	19.500.000.000	10%	10%
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	-	-	-	-	3.600.004	0,34%
▪ Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	58.324	0%	0%	817.994.798	8.094	0%
					104.317.994.798	89.508.536.651
					-	(12.674.525.848)
					287.327.345.025	151.559.152.322

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN**

- a. Công ty Cổ phần Mía Đường Phan Rang (“Đường Phan Rang”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4303000027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 26 tháng 12 năm 2005. Hoạt động chính của Đường Phan Rang là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm khác làm từ mía; sản xuất và kinh doanh nước giải khát; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thức ăn gia súc và các sản phẩm nông sản khác; sản xuất và kinh doanh phân bón hữu cơ; cung cấp các dịch vụ gia công và sửa chữa; kinh doanh các sản phẩm dầu và khí; và cung cấp các dịch vụ gửi hàng.
- b. Công ty Cổ phần Mía Đường 333 (“Đường 333”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4003000094 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 28 tháng 6 năm 2006. Hoạt động chính của Đường 333 là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía; sản xuất hạt điều xuất khẩu; sản xuất và kinh doanh nước uống; nước giải khát; sản xuất và kinh doanh phân bón hữu cơ; kinh doanh các sản phẩm dầu và khí; và kinh doanh các loại nông sản.
- c. Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai (“SEC”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 1950/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 18 tháng 7 năm 1997. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất đường và các sản phẩm sau đường làm từ mía để bán; trồng cây mía; sản xuất và phân phối điện; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chế biến hàng nông sản; sản xuất và kinh doanh phân bón và đầu tư tài chính.
- d. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, khoản đầu tư cổ phiếu vào Công ty Cổ phần điện Gia Lai có giá trị ghi sổ là 84 tỷ VND và Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai có giá trị ghi sổ là 44 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn.

Biến động của các khoản đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	74.725.141.519	51.885.449.525
Các khoản đầu tư mới trong năm	107.064.248.178	13.478.252.767
Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết	6.869.743.530	14.120.590.244
Ảnh hưởng của việc suy giảm khoản đầu tư vào các công ty liên kết	-	(1.624.286.262)
Cổ tức đã nhận	(5.649.783.000)	(3.861.912.167)
Lợi thế thương mại	-	727.047.412
Số dư cuối năm	183.009.350.227	74.725.141.519

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN**

Biến động của các khoản đầu tư dài hạn khác trong năm như sau:

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	89.508.536.651	61.550.245.691
Các khoản đầu tư mới trong năm	143.962.739.395	27.958.290.960
Thanh lý các khoản đầu tư trong năm	(129.153.281.248)	-
Số dư cuối năm	104.317.994.798	89.508.536.651

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	12.674.525.848	11.937.919.288
Tăng dự phòng trong năm	1.400.000.000	16.369.216.000
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(14.074.525.848)	(15.632.609.440)
Số dư cuối năm	-	12.674.525.848

13. Chi phí trả trước dài hạn

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	1.285.204.874	1.934.676.781
Tăng do mua lại công ty con	33.650.000	-
Tăng trong năm	1.001.808.064	347.110.969
Phân bổ trong năm	(1.118.551.552)	(996.582.876)
Số dư cuối năm	1.202.111.386	1.285.204.874

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

14. Lợi thế thương mại

	VND
Giá gốc	
Tăng trong năm	7.956.128.816
Giá trị hao mòn lũy kế	
Khấu hao trong năm/ số dư cuối năm	1.326.021.469
Giá trị ghi sổ	
Số dư cuối năm	6.630.107.347

15. Vay ngắn hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay ngắn hạn	146.845.422.227	101.451.628.535
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 21)	29.911.164.860	25.202.807.995
	176.756.587.087	126.654.436.530

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Tiền tệ	Lãi suất	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	VND	14%	-	101.451.628.535
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam (a)	VND	8%-13,5%	55.671.353.560	-
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam (b)	VND	9%-13%	79.696.370.994	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam (c)	VND	8% - 12,9%	11.477.697.673	-
			146.845.422.227	101.451.628.535

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN**

- a. Khoản vay này có hạn mức tối đa là 2.500.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị là 52 tỷ VND.
- b. Khoản vay này có hạn mức tối đa là 3.250.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu từ các bên liên quan của Tập đoàn với số dư phải thu tối thiểu là 3.250.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công, một công ty liên quan, với giá trị đảm bảo tối thiểu là 3.250.000 Đô la Mỹ.
- c. Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phiếu Công ty Cổ phần Điện Gia Lai với giá trị là 84 tỷ VND và Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai với giá trị là 44 tỷ VND.

16. Người mua trả tiền trước

Bao gồm trong các khoản người mua trả tiền trước có các khoản trả trước từ các bên liên quan như sau:

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Trả trước từ các cổ đông để mua đường	26.728.932.000	4.591.933.500

Khoản trả trước từ các cổ đông không được đảm bảo và không chịu lãi, ngoại trừ khoản trả trước với số tiền là 20.8 tỷ VND chịu lãi suất năm từ 12% đến 14% trong năm.

17. Thuế phải nộp Nhà nước

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.783.010.002	19.125.837.245
Thuế thu nhập cá nhân	635.896.912	333.496.875
Các loại thuế khác	65.089.992	109.547.556
	3.483.996.906	19.568.881.676

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

18. Chi phí phải trả

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí lãi của khoản người mua trả tiền trước	1.640.837.280	-
Chi phí lãi vay	696.999.424	827.637.642
Phí tư vấn	55.000.000	-
Chi phí khác	268.248.584	80.000.000
	2.661.085.288	907.637.642

19. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Khoản ứng trước từ Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa (*)	8.000.000.000	8.000.000.000
Cổ tức phải trả	2.847.996.800	756.874.800
Tiền đặt cọc đã nhận	1.189.600.000	813.500.000
Phải trả khác	879.522.504	646.130.983
	12.917.119.304	10.216.505.783

(*) Tập đoàn nhận ứng trước từ Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa theo chính sách bình ổn giá thị trường trong dịp Tết Nguyên đán Quý Tỵ năm 2013. Khoản ứng trước này không chịu lãi và phải hoàn trả trong khoảng thời gian 3 tháng, tính từ ngày nhận khoản ứng trước.

20. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	9.011.273.406	10.460.731.568
Tăng do mua lại công ty con	53.363.596	-
Trích lập trong năm	11.415.386.359	8.742.957.726
Hoàn nhập trong năm	(617.492)	(1.532.129.710)
Sử dụng trong năm	(8.607.689.589)	(8.660.286.178)
	11.871.716.280	9.011.273.406

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN****21. Vay dài hạn**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay dài hạn	121.964.851.296	143.605.751.556
Hoàn trả trong vòng mười hai tháng (Thuyết minh 15)	(29.911.164.860)	(25.202.807.995)
Hoàn trả sau mười hai tháng	92.053.686.436	118.402.943.561

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Tiền tệ	Lãi suất	Năm đáo hạn	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín					
▪ Khoản vay 1 (a)	VND	14%	2017	28.466.398.596	29.355.967.056
▪ Khoản vay 2 (b)	VND	12%	2020	35.000.000.000	35.000.000.000
▪ Khoản vay 3 (c)	VND	14%-16%	2015	58.498.452.700	79.249.784.500
				121.964.851.296	143.605.751.556

- a. Khoản vay 1 với hạn mức tối đa là 50,5 tỷ VND được đảm bảo bằng máy móc và thiết bị với giá trị ghi sổ là 56.540 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: máy móc và thiết bị với giá trị ghi sổ là 883 triệu VND; xây dựng cơ bản dở dang với giá trị là 64.091 triệu VND). Khoản vay này được hoàn trả vào mỗi năm 6 tháng bắt đầu từ ngày 20 tháng 4 năm 2012 dựa theo lịch trình hoàn trả đã được thống nhất giữa ngân hàng và Tập đoàn, với khoản thanh toán cuối cùng không trễ hơn ngày 10 tháng 10 năm 2017.
- b. Khoản vay 2 với hạn mức tối đa là 35 tỷ VND được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và nhà cửa và vật kiến trúc có liên quan tại 54A Yersin, Thành phố Nha Trang với giá trị ghi sổ lần lượt là 4.657 triệu VND và 27.672 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 4.657 triệu VND và 28.893 triệu VND). Khoản vay này được hoàn trả vào mỗi năm 6 tháng bắt đầu từ ngày 26 tháng 8 năm 2012 dựa theo lịch trình hoàn trả đã được thống nhất giữa ngân hàng và Tập đoàn, với khoản thanh toán cuối cùng không trễ hơn ngày 26 tháng 8 năm 2020.
- c. Khoản vay 3 với hạn mức tối đa là 103,2 tỷ VND được đảm bảo bằng máy móc và thiết bị với giá trị ghi sổ là 75.308 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 85.420 triệu VND). Khoản vay này được hoàn trả vào mỗi năm 6 tháng bắt đầu từ ngày 16 tháng 12 năm 2010 dựa theo lịch trình hoàn trả đã được thống nhất giữa ngân hàng và Tập đoàn, với khoản thanh toán cuối cùng không trễ hơn ngày 15 tháng 6 năm 2015.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

22. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Các khoản dự phòng	3.229.678.827	-

23. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trong năm như sau:

	2012 VND
Số dư đầu năm	361.374.140
Dự phòng sử dụng trong năm	(57.734.825)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(303.639.315)
Số dư cuối năm	-

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn đã đóng 147 triệu VND (2011: 113 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	81.000.000.000	12.514.630.000	(29.037.160)	84.690.964.377	8.100.000.000	7.357.255	70.206.100.944	256.490.015.416
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	91.394.708.312	91.394.708.312
Anh hưởng của việc suy giảm khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	-	-	-	-	(1.624.286.262)	-	(1.624.286.262)
Hoàn nhập các quỹ	-	-	-	(11.490.972.825)	-	-	11.490.972.825	-
Hoàn nhập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	1.532.129.710	1.532.129.710
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	20.941.278.747	105.400.365	-	(21.046.679.112)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(8.742.957.726)	(8.742.957.726)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(36.450.000.000)	(36.450.000.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(105.400.365)	-	-	(105.400.365)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-	(10.218.016)	-	-	-	-	(10.218.016)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	81.000.000.000	12.514.630.000	(39.255.176)	94.141.270.299	8.100.000.000	(1.616.929.007)	108.384.274.953	302.483.991.069

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	81.000.000.000	12.514.630.000	(39.255.176)	94.141.270.299	8.100.000.000	(1.616.929.007)	108.384.274.953	302.483.991.069
Phát hành cổ phiếu	222.750.000.000	(180.200.000)	-	-	-	-	-	222.569.800.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	81.604.509.901	81.604.509.901
Hoàn nhập các quỹ	-	-	-	(3.646.852.472)	-	-	3.646.852.472	-
Hoàn nhập quỹ khen	-	-	-	-	-	-	-	-
thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	617.492	617.492
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	10.887.664.769	3.629.221.590	-	(14.516.886.359)	-
Phân bổ vào quỹ khen	-	-	-	-	-	-	-	-
thưởng và phúc lợi (Thuyết	-	-	-	-	-	-	-	-
minh 20)	-	-	-	-	-	-	(11.415.386.359)	(11.415.386.359)
Cổ tức (Thuyết minh 35)	-	-	-	-	-	-	(50.625.000.000)	(50.625.000.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(49.099.155)	-	-	(49.099.155)
Chuyển sang báo cáo kết	-	-	-	-	-	-	-	-
quả hoạt động kinh doanh	-	-	39.255.176	-	-	-	-	39.255.176
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	303.750.000.000	12.334.430.000	-	101.382.082.596	11.680.122.435	(1.616.929.007)	117.078.982.100	544.608.688.124

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	30.375.000	303.750.000.000	8.100.000	81.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.375.000	303.750.000.000	8.100.000	81.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với các cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần trong năm như sau:

	2012		2011	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	8.100.000	93.514.630.000	8.100.000	93.514.630.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	22.275.000	222.569.800.000	-	-
Số dư cuối năm	30.375.000	316.084.430.000	8.100.000	93.514.630.000

26. Lợi ích cổ đông thiểu số

	2012 VND
Số dư đầu năm	-
Mua lại công ty con	4.702.982.758
Lỗ thuần trong năm	(391.373.375)
Ảnh hưởng của việc suy giảm lợi ích cổ đông thiểu số	(12.000.000)
Số dư cuối năm	4.299.609.383

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN****27. Tổng doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2012 VND	2011 VND
Tổng doanh thu		
▪ Đường	783.370.032.898	676.071.003.090
▪ Mật	35.638.815.009	32.722.493.928
▪ Mía giống	5.436.042.800	3.009.546.640
▪ Điện	4.764.236.022	3.141.887.168
▪ Bùn, tro, bã	4.952.237.709	2.599.333.824
▪ Phân bón	93.481.999.778	62.961.376.910
▪ Thuốc trừ sâu	5.173.816.669	3.716.519.669
▪ Khác	2.721.529.413	396.250.128
	935.538.710.298	784.618.411.357
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(924.089.905)	-
▪ Hàng bán bị trả lại	-	(2.137.714.285)
	(924.089.905)	(2.137.714.285)
Doanh thu thuần	934.614.620.393	782.480.697.072

28. Giá vốn hàng bán

	2012 VND	2011 VND
Giá vốn hàng bán		
▪ Đường	654.705.863.089	534.584.581.041
▪ Mật	35.638.815.009	32.722.493.928
▪ Mía giống	5.516.705.000	3.039.774.800
▪ Điện	4.764.236.022	3.141.887.168
▪ Bùn, tro, bã	3.659.684.475	1.784.939.655
▪ Phân bón	89.727.026.778	60.168.080.356
▪ Thuốc trừ sâu	4.756.534.925	3.593.746.141
▪ Khác	2.113.826.086	584.955.887
	800.882.691.384	639.620.458.976

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	2012 VND	2011 VND
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn	28.409.533.152	-
Lãi từ khoản trả trước cho nông dân để trồng mía	12.991.366.796	8.691.207.452
Cổ tức đã nhận	5.154.282.000	1.363.645.002
Lãi từ tiền đặt cọc theo thỏa thuận mua cổ phiếu	1.038.201.600	-
Lãi tiền gửi	1.030.343.502	687.805.134
Doanh thu hoạt động tài chính khác	141.070.655	727.047.412
	48.764.797.705	11.469.705.000

30. Chi phí tài chính

	2012 VND	2011 VND
Chi phí lãi vay	57.607.747.373	44.931.703.853
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn	8.900.010.000	971.744.800
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(14.074.525.848)	(15.632.609.440)
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	1.400.000.000	16.369.216.000
Chi phí tài chính khác	713.837.477	857.738.995
	54.547.069.002	47.497.794.208

31. Thu nhập khác

	2012 VND	2011 VND
Thu nhập từ cho thuê nhà	4.260.000.000	4.260.000.000
Lãi do thanh lý tài sản cố định hữu hình	238.000.000	9.796.184.510
Thu từ trồng mía khảo nghiệm	962.272.324	555.449.331
Tiền bồi thường nhận được từ các đơn vị khác	-	504.930.527
Lãi do thanh lý vật tư, phế liệu	601.665.024	1.538.730.000
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp thôi việc	303.639.315	-
Khác	1.213.281.808	380.230.941
	7.578.858.471	17.035.525.309

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

32. Chi phí khác

	2012 VND	2011 VND
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	137.860.875	6.157.204.337
Giá vốn của vật tư thanh lý	303.624.214	179.319.166
Chi phí trồng mía khảo nghiệm	848.875.431	594.405.869
Chi phí khấu hao nhà cho thuê	1.481.824.683	1.385.532.491
Phạt vi phạm hành chính, phạt thuế	158.604.394	117.281.960
Khác	1.039.622.284	1.019.920.102
	3.970.411.881	9.453.663.925

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(i) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2012 VND	2011 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	16.115.590.436	17.799.145.937
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	3.229.678.827	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	19.345.269.263	17.799.145.937

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	100.558.405.789	109.193.854.249
Thuế tính theo thuế suất của Tập đoàn	25.139.601.447	27.298.463.562
Chi phí không được khấu trừ thuế	849.373.577	422.908.611
Thu nhập không chịu thuế	(3.006.006.383)	(4.052.820.664)
Ưu đãi thuế	(3.637.699.378)	(5.869.405.572)
	19.345.269.263	17.799.145.937

Theo Nghị quyết số 29/2012/QH13 do Quốc hội ban hành ngày 21 tháng 6 năm 2012, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm 2012 do hoạt động của Công ty thỏa mãn điều kiện về doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực sản xuất và chế biến nông sản.

(iii) Thuế suất áp dụng

Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% lợi nhuận chịu thuế.

34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 81.604.509.901 VND (2011: 91.394.708.312 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 11.480.533 (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 8.100.000), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	81.604.509.901	91.394.708.312
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	81.604.509.901	91.394.708.312

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2012 Số cổ phiếu	2011 Số cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	8.100.000	8.100.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phát hành vào tháng 3 năm 2012	1.432.992	-
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phát hành vào tháng 11 năm 2012	1.947.541	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối năm	11.480.533	8.100.000

35. Cổ tức

Đại hội Cổ đông của Công ty ngày 16 tháng 4 năm 2012 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 20.250 triệu VND từ lợi nhuận chưa phân phối của năm trước.

Ngày 13 tháng 9 năm 2012, Hội đồng Quản trị Công ty ra quyết định số 138/BB-HDQT-NHS về việc tạm ứng cổ tức 2012 với tỷ lệ 30% mệnh giá/cổ phiếu.

36. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Các loại rủi ro tài chính mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường

Phần này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro trong các rủi ro trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để hạch toán và quản lý rủi ro.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN****(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng**

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa của các tài sản tài chính này. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền (ii)	39.725.516.116	2.579.124.876
Phải thu khách hàng và phải thu khác (iii)	7.770.266.538	13.555.699.657
Trả trước cho người bán (iv)	177.563.759.367	133.186.442.299
	225.059.542.021	149.321.266.832

(ii) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(iii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hơn nữa, khách hàng được yêu cầu phải ứng tiền trước khi thực hiện yêu cầu mua hàng. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 7 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 7 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua hàng trả chậm.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các năm trước, Tập đoàn tin rằng, không có khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào khác cần thiết phải lập cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu như sau:

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Trong hạn	7.770.266.538	13.555.699.657

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(iv) Trả trước cho người bán

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến khoản trả trước cho nông dân trồng mía chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng người nông dân. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn đã thiết lập một chính sách trả trước mà theo đó mỗi yêu cầu hỗ trợ tài chính từ người nông dân được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng thu hồi trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện đầu tư và thu hồi vốn chuẩn cho người nông dân đó. Các khoản trả trước cho mỗi người bán có giá trị lớn hơn 300 triệu được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của người bán. Hơn nữa, người nông dân được yêu cầu phải bán tất cả mía của họ cho Tập đoàn và khoản này sẽ được cần trừ vào khoản trả trước tương ứng. Khoản trả trước được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa nông dân và Tập đoàn. Người nông dân có số dư trả trước quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục nhận khoản đầu tư mới.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các năm trước, Tập đoàn tin rằng, ngoài dự phòng đã được lập, không có khoản dự phòng nào khác cần thiết phải lập cho các khoản trả trước chưa quyết toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản trả trước như sau:

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Trong hạn	177.095.973.858	132.996.340.097
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	-	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	-	266.000
Quá hạn trên 180 ngày	793.983.838	356.604.623
	177.889.957.696	133.353.210.720

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tồn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
Vay và nợ ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	146.845.422.227	150.677.631.966	150.677.631.966	-	-	-
Phải trả người bán	28.430.048.603	28.430.048.603	28.430.048.603	-	-	-
Phải trả người lao động	5.677.452.197	5.677.452.197	5.677.452.197	-	-	-
Chi phí phải trả	2.661.085.288	2.661.085.288	2.661.085.288	-	-	-
Phải trả khác	12.917.119.304	12.917.119.304	12.917.119.304	-	-	-
Vay dài hạn						
Vay dài hạn	121.964.851.296	166.374.531.353	45.604.573.572	41.446.172.505	63.003.576.943	16.320.208.333
	318.495.978.915	366.737.868.711	245.967.910.930	41.446.172.505	63.003.576.943	16.320.208.333

Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì các hạn mức tín dụng với các ngân hàng.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN****(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro hối đoái

Tập đoàn không có rủi ro hối đoái trọng yếu do chủ yếu các giao dịch của Tập đoàn được thực hiện bằng VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và công ty con.

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, 269 tỷ VND nợ phải trả của Tập đoàn chịu lãi suất thả nổi. Tập đoàn không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Các khoản tương đương tiền	31.590.000.000	-
Trả trước cho người bán	177.563.759.367	133.353.210.720
	209.153.759.367	133.353.210.720
Công cụ tài chính có lãi suất thả nổi		
Tiền gửi ngân hàng	8.135.516.116	2.579.124.876
Vay ngắn hạn	(146.845.422.227)	(101.451.628.535)
Vay dài hạn	(92.053.686.436)	(118.402.943.561)
Vay dài hạn đến hạn trả	(29.911.164.860)	(25.202.807.995)
	(260.674.757.407)	(242.478.255.215)

Việc tăng 100 điểm lãi suất cơ bản sẽ làm lợi nhuận thuần của Tập đoàn giảm đi 2,02 tỷ VND.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin. Các chính sách sau được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý của mỗi loại công cụ tài chính:

Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, vay ngắn hạn và nợ phải trả ngắn hạn khác:

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính này xấp xỉ bằng giá trị hợp lý của chúng do thời gian đáo hạn ngắn hạn của các công cụ này.

Vay dài hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, giá trị hợp lý của các khoản vay dài hạn được ước tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền nợ gốc và lãi trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ đã được ghi nhận.

Đầu tư vào chứng khoán vốn

		31/12/2012	
	Thuyết minh	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	(i)	817.994.798	933.184.000
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	(ii)	84.000.000.000	-
Công ty Cổ phần giao dịch hàng hóa Sơn Tín	(ii)	19.500.000.000	-

(i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa được xác định bằng cách tham chiếu tới giá thị trường trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

(ii) Công ty Cổ phần Điện Gia Lai và Công ty Cổ phần giao dịch Hàng hóa Sơn Tín là các công ty chưa niêm yết và có lợi nhuận trong năm. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này nhằm mục đích trình bày trên báo cáo tài chính theo yêu cầu của Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường năng động cho các khoản đầu tư này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường năng động. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2012 VND	2011 VND
Các cổ đông		
Công ty Cổ phần Dầu Tư Thành Thành Công		
Bán đường và mật	327.442.828.095	448.237.312.857
Nhận tiền ứng trước mua đường và mật	435.951.968.000	521.457.772.000
Thanh toán tiền ứng trước mua đường và mật	70.000.000.000	50.000.000.000
Lãi tiền ứng trước mua đường và mật	5.565.793.386	2.580.000.000
Mua giải pháp công nghệ	513.876.085	-
Mua dịch vụ tư vấn	982.000.000	-
Các công ty liên quan		
Công ty Cổ phần Mía đường 333		
Ứng tiền mua cổ phiếu	11.318.600.000	6.179.770.000
Nhận cổ tức	4.177.360.000	-
Lãi ứng tiền mua cổ phiếu	1.633.004.463	-
Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang		
Thanh lý tài sản cố định, vật tư	756.051.364	9.740.957.236
Nhận cổ tức	1.837.173.000	-
Mua đường	192.347.000	-
Công ty Cổ phần Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai		
Nhận cổ tức	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần SXTM Bao Bì Thành Thành Công		
Bán đường và mật	110.220.761.905	107.976.261.905
Nhận tiền ứng trước mua hàng hóa	115.731.800.000	112.057.375.000
Mua bao bì	7.002.765.150	6.214.452.910
Mua đường	531.038.095	-
Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh		
Nhận tiền ứng trước mua hàng hóa	109.350.000.000	-
Thanh toán tiền ứng trước mua đường, mật	109.350.000.000	-
Lãi tiền ứng trước mua đường	4.146.187.500	-
Ứng trước tiền mua thiết bị	104.000.000	-

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

	Giá trị giao dịch	
	2012 VND	2011 VND
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa		
Bán đường và mật	257.188.270.767	-
Nhận tiền ứng trước mua hàng hóa	270.047.679.704	-
Lãi tiền ứng trước mua đường và mật	1.531.389.933	-
Nhận cổ tức	24.282.000	-
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thù lao	6.322.066.953	4.943.362.536

38. Cam kết vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	182.214.239.600	3.756.403.140

39. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	716.941.459.597	526.687.025.675
Chi phí nhân công	37.481.092.525	28.289.847.057
Chi phí khấu hao và phân bổ	32.837.336.301	24.085.209.686
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.692.394.036	6.675.341.711
Chi phí khác	17.208.698.369	5.780.304.025

Người lập biểu



Ngô Thị Thu Trang

Kế toán trưởng



Võ Thị Thủy Tiên



Ngày 20 tháng 3 năm 2013